

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **J**, sinh năm: 1961; Hộ khẩu thường trú: Chez Mme Jouineau 11 Place U, Montpellier France. Tạm trú tại: Số 246 đường H, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông J – Luật sư: **Nguyễn Văn P**, Văn phòng luật sư L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng;

- Bị đơn: Bà **Lê Thị U**, sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: 135 Trần Thị L, Khối 6, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Tạm trú tại: Số 246 đường H, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng;

- Người phiên dịch: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, chức vụ: Cán bộ phiên dịch tiếng Pháp thuộc SCEDFA theo văn bản số: 576/TT-KTĐN ngày 03/10/2020 về việc hỗ trợ phiên dịch tiếng Pháp của Trung tâm phục vụ đối ngoại thuộc Sở ngoại vụ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông J và bà Lê Thị U (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông J và bà Lê Thị U nên Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2019 do Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 26/8/2019 không còn giá trị pháp lý*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông J và bà Lê Thị U thống nhất thuận tình ly hôn.
- Về con chung: ông J và bà Lê Thị U xác định không có.
- Về tài sản chung: ông J và bà Lê Thị U xác định không có.
- Về nợ chung: ông J và bà Lê Thị U xác định không có.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) ông J và bà Lê Thị U mỗi người chịu 75.000đ nhưng ông J tự nguyện chịu 150.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S biên lai thu số 0006328 ngày 20/10/2020.

Hoàn trả cho ông J 150.000đ tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S biên lai thu số 0006328 ngày 20/10/2020

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh

